

## VÀI NÉT VỀ ĐỜI SỐNG TÔN GIÁO QUA LỊCH SỬ VIỆT NAM

ĐẶNG NGHIÊM VẠN<sup>(\*)</sup>

1. Việt Nam là một nước nằm ở ngã ba đường (O. Janse), nơi giao lưu của nhiều tộc người, của nhiều luồng văn minh, nhiều luồng tôn giáo, nơi có một vị trí địa - chính trị quan trọng, với nhiều tài nguyên phong phú. Việt Nam cũng là một nước trải dài suốt lịch sử phải luôn chống chọi và sẵn sàng chống chọi với những kẻ thù xâm lược để tự bảo vệ mình. Do vậy, người Việt Nam có tinh thần dân tộc, tính cộng đồng cao, có nhiều khả năng tiếp biến văn hóa ngoại sinh.

Nhờ sự thuận lợi ban đầu của tự nhiên, cùng với các cư dân trong miền, Việt Nam đã góp phần tạo nên một nền văn minh thực vật, đá - đồng độc đáo, tiêu biểu là văn minh tiền Đông Sơn và Đông Sơn, mà các học giả phương Tây gọi là văn hoá Nam - Á (austro - asiatique). Nói quá lên một chút như W. G. Solheim II, một nhà khảo cổ nổi tiếng người Mỹ, nơi đây nghề trồng trọt, nghề rèn, nghề đi biển, nghề gốm... xuất hiện gần như sớm nhất trên hành tinh, từ đây tiến lên phương bắc tới miền Viễn Đông Siberi, toả rộng xuống phía nam ra vùng hải đảo, vươn sang phía tây đến tận Madagascar<sup>(1)</sup>.

Dựa trên cơ sở nền văn minh bản địa nói trên, trên giải đất vùng châu thổ sông Hồng và miền bắc Trung Bộ đã sớm hình thành một quốc gia dân tộc - nước Văn Lang, Âu Lạc.

Trong đời sống tôn giáo của quốc gia dân tộc buổi sơ khai này, nổi trội lên là tục

thờ thần đá, thần cây, thần sông nước, các nhiên thần và một số các nhân thần. Hiện tượng nhân cách hoá các nhiên thần nhiều vô kể, từ các vị thần được phong như các vị thần đá, thần núi, như Cao Sơn, Tản Viên, Cao Lỗ, Phù Đổng, Thạch Quang Phật, các vị thần có nguồn gốc sông nước như Long Đỗ, Linh Lang, Hoàng Lệ Mật, Trương Hống, Trương Hát... đến các vị thần cây trú ngụ ở cây đa, cây gạo.

Sự ra đời của nền sản xuất nông nghiệp kéo theo sự ra đời của các cộng đồng chính trị - xã hội (cộng đồng lãnh thổ): làng xã, bản mường, nước, bên cạnh các cộng đồng huyết thống. Kéo theo đó là nảy sinh ra các tôn giáo tương ứng với dân tộc, đạo tổ tiên (theo dòng máu), tôn thờ các vị thần có công với cộng đồng từ gia đình, dòng họ đến làng xã, bản mường, đất nước, với các lễ thức nông nghiệp theo chu kỳ sản xuất, tập trung từ mùa thu hoạch qua Tết đến các hội đầu xuân trước khi bước vào mùa sản xuất mới. Xuất hiện ý niệm thờ Trời hay ông Trời (tương ứng với lãnh thổ quốc gia trồng lúa nước) với vị trí quan trọng của con cóc, các thổ thần gốc từ các nhiên thần (sấm sét, sông, núi, cây cối, các con vật, hòn đá...) và từ các nhân thần.

\*. GS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. W.G.Solheim II. *New Light on a Forgotten Past. National Geographic Magazine* 139 (3) 1971, tr. 330 - 339; *An earlier agricultural revolution. Scientific American*, 226, 1972, tr. 4 - 11.

Bên cạnh hình thức tôn giáo kể trên, tôn tại ở các dân tộc [đúng hơn là các tộc người (ethnie)] đa số cũng như thiểu số, nhiều hình thức tôn giáo sơ khai: tô tem giáo, các loại ma thuật, đạo phù thuỷ với các dạng khác nhau, cùng các yếu tố tôn giáo như cầu tự, sản ông (couvade), điếm, kiêng cử với các thầy cúng, thầy bói, thầy mo các loại.

Văn minh Trung Hoa và Ấn Độ đưa vào Việt Nam đạo Phật, đạo Nho, Đạo giáo<sup>(2)</sup> khoảng từ đầu CN được người dân đón nhận theo tâm thức của mình, lại rất khác nhau giữa người dân lao động và tầng lớp trên trong xã hội, ở những vùng nhất định. Trong thời gian này có thể nói những đạo đó đã bị Việt hoá, chung sống với các tôn giáo địa phương dưới các dạng khác nhau. Những thí dụ đó cũng lại chỉ được các nhà Nho ghi lại trong hai cuốn *Việt điện u linh* và *Lĩnh Nam chích quái* vào thời gian quá muộn mằn (XIV - XV)<sup>(3)</sup>. Gần đây, nhất là sau ngày hoà bình lập lại (1954), giới khoa học xã hội và nhân văn đi thu thập các truyền thuyết trong vùng càng thấy rõ sự hoà quyện đó và những nhân vật được thờ cúng cũng chỉ được sơn lên một lớp mỏng văn minh Hoa, Ấn. Thực vậy, văn hoá của ngoại bang mới chỉ gài lên đất nước có một nền văn minh bản địa khá bền vững, lại ở một không gian xã hội khác hẳn với một nền sản xuất có chăng chỉ giống vùng Giang Nam, ở đó, lúc đó cũng chưa hẳn đã bị Hán hoá<sup>(4)</sup>. Một vài thí dụ tiêu biểu như câu chuyện Man Nương liên quan đến đạo Phật và đạo Bà La Môn ở chùa Dâu với tục thờ đá (Thạch Quang Phật)<sup>(5)</sup> và bốn vị Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện; truyện Lý Nguyên Gia và Cao Biền phong cho thần Long Đỗ làm thành hoàng thành Long Biên; truyện Lạc Long Quân có bà Lạc phi sinh ra bầy bọ trứng đem vứt bỏ ra gốc 7 cây gạo, nhờ sinh khí cây gạo cạnh Hồ Tây, nở thành

rồng bay khắp nước, sau quần tụ ở đất đế đô mà Lý Thái Tổ đặt tên là Thăng Long; truyện Chử Đồng Tử và Tiên Dung; truyện Lý Ông Trọng; truyện Cát Hồng, Cao Biền dạy non, v.v...

Ảnh hưởng của chính quyền quân xâm lược lại bị yếu thêm, phần vì sự lên xuống của các triều đại nơi chính quốc, phần lại luôn bị quấy rối bởi các cuộc khởi nghĩa to nhỏ; bị đứt đoạn bởi các thời kì giành độc lập và lại phải đối phó với sự quấy nhiễu của các quốc gia quanh vùng (Chiêm Thành, Nam Chiếu). Lại thêm, đất nước Việt Nam ta thời đó, cũng còn đương trong quá trình khai phá, trong quá trình tập hợp thành một dân tộc với một chính quyền tập trung. Tính đa tộc người chỉ ít thể hiện ở hai nhóm Tày - Thái và Việt - Mường, cũng đương được hoà trộn ở vùng đồng bằng, nếu ta để ý thấy địa danh Tày - Thái hiện còn đậm ở vùng sông Thao, tới tận Việt Trì và còn lác đác xung quanh Hà Nội ở bên kia sông vùng Gia Lâm, Đông Anh... nhất là vùng Cổ Loa nơi ông vua Âu Lạc là một người gốc Tày - Thái<sup>(6)</sup>. Sự kéo dài của quá

2. Trần Văn Giáp. *Le Bouddhisme en Annam des origines au XIII - siècle BEFEO XXXII fasc. I* (1982) tr. 191-258. Bản dịch của Tuệ Sĩ. Sài Gòn 1958; H. Maspero: *Oeuvres posthumes III - Le Taoïsme*. P. 1955; Hoàng Xuân Hãn. *Lý Thường Kiệt*. Sài Gòn (tái bản) 1966.

3. Lý Tế Xuyên. *Việt điện u linh* và Vũ Quỳnh, Kiều Phú. *Lĩnh Nam chích quái*. Bản dịch do Nxb Văn Hoá, Hà Nội, 1960.

4. Có thể thấy ở hai tác phẩm nổi tiếng của Từ Tùng Thạch nghiên cứu miền Giang Nam gần đây được tái bản trong tác phẩm *Dân tộc nghiên cứu trước tác ngữ chủng* (thượng): *Việt giang lưu vực nhân dân sử và Thái tộc, Choang tộc, Việt tộc*. Quảng Tây Nhân dân xuất bản xã, 1993 (bản Trung văn).

5. Nguyễn Quang Hồng (chủ biên). *Di tích chùa Dâu*. Nxb KHXH, Hà Nội 1997. Có lời bạt của Đặng Nghiêm Vạn.

6. Đặng Nghiêm Vạn, Trần Quốc Vượng. *An Dương Vương thuộc thành phần dân tộc nào. Thông báo sử học*. Trường Đại học Tổng hợp. Số 2, 2/1969; tr. 18 - 25.

trình đó có một nguyên nhân không nhỏ, nếu không nói là quan trọng là vì quân xâm lược chiếm đóng hơn ngàn năm.

Tư tưởng của Nho giáo, nhất là Hán Nho của Đổng Trọng Thư, được truyền vào nước ta, có người gán công cho một số nhà "thứ sử", "thái thú" như Nhân Diên, Tích Quan, Sĩ Nhiếp... đứng được và có ảnh hưởng nhất định, tuy bị tiếp biến, hay dùng thuật ngữ của Phan Ngọc, khúc xạ khá rõ nét<sup>(7)</sup>, chính là vì trước đây đất nước ta cũng đã có đạo thờ tổ tiên. Đạo Nho cũng không hẳn đã là yếu tố thống soái chi phối dân tộc ta. Việc các nhà viết sử ở các triều đại về sau đã chê bai một số việc làm nào đó của nhà Ngô, nhà Đinh, nhà Tiền Lê là trái với cương thường luân lí, hoặc trái với đạo lí thánh hiền<sup>(8)</sup> hay việc triều đại Lý, Trần hướng về đạo Phật cho thấy rõ ràng và khách quan ảnh hưởng Khổng, Mạnh ở ngay các tầng lớp trên cũng chưa thật rõ ràng. Vả lại, Nho giáo lúc đó cũng đã pha lẫn những yếu tố của Đạo và Phật.

Phải chăng chính đạo Phật cùng Đạo giáo (ngành phù thủy) cũng có tác động không kém đạo Nho trong thời gian trên. Đạo giáo xâm nhập vào nước ta mang đậm nét phù thủy, dễ được nhân dân thời đó chấp nhận. Phải chăng, những yếu tố tôn giáo bản địa từ trước cũng đã làm cho Đạo giáo phải tiếp biến, thể hiện ở những nhân vật Tản Viên, Cao Lỗ, Long Đỗ, Bạch Mã, v.v... Tạ Chí Đại Trường dẫn ra một số trường hợp như thứ sử Trương Tân "thích việc quỷ thần, thường đội khăn mâu đỏ, gậy đàn, đốt hương đọc sách đạo, nói rằng có thể giúp việc giáo hoá"<sup>(9)</sup>.

Theo Nguyễn Duy Hinh, đạo Phật vào trung và nam Việt Nam vào những năm đầu CN để rồi bị Ấn Độ giáo thay thế, hoặc tiếm ản để đến khoảng thế kỉ IX - X, lại nổi lên với chứng tích Phật giáo ở Đông Dương

trong tộc Dừa, hoặc hoàn toàn bị thay thế bởi Ấn Độ giáo, rồi Siva giáo trong tộc Cau<sup>(10)</sup>. Ở phía Bắc, liên quan đến lãnh thổ nước ta thời đó, đạo Phật đến nước ta ngay từ đầu CN, không muộn hơn thế kỉ II<sup>(11)</sup> với các nhân vật Mahajivaka (Maha Kì Vực), Khâu Đà La với sử tích Man Nương, tiếp theo là Mâu Tụ và Khương Tăng Hội. Sang đến thế kỉ V - VI phái Thiên tông ra đời với Tì Ni Đa Lưu Chi (Vinataruci), Pháp Hiền và đặc biệt là Vô Ngôn Thông. Đạo Phật thấm sâu vào dân chúng nhờ sự hoà quyện không những với Nho, Đạo mà với các tôn giáo bản địa, đặc biệt là các lễ thức nông nghiệp với tục thờ phồn thực. Đạo theo hai khuynh hướng bác học và dân gian, khuynh hướng sau nổi trội, hướng làm điều Thiện, trừ Ác, mang một sắc thái Việt Nam. Do vậy, ta mới có thể giải thích tại sao sang thời Độc lập Tự chủ, nhà vua cùng dân chúng hướng theo đạo Phật.

Ngay từ buổi đầu, mặc dầu cũng đã thiết lập những sơn môn, đạo Phật Việt Nam đã khác với Trung Quốc, nó được tiếp nhận như một tổ chức tôn giáo hơn là một hệ tư tưởng, thiên về việc trần thế cứu khổ cứu nạn, kể cả nạn nhà, nạn nước, hơn là việc giải thoát. Các nhà sư tham gia hoạt động xã hội, thậm chí vào bộ máy nhà nước. Đến đời Trần, Phật giáo mới được giới quý tộc nghiên cứu như một hệ tư tưởng nhưng

7. Phan Ngọc. *Văn hoá Việt Nam, cách tiếp cận mới*. Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1994; mở rộng thêm trong: *Bản sắc văn hoá Việt Nam*. Nxb VH - TT, 1998.

8. Quang Đạm. *Nho giáo xưa và nay*. Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1994.

9. Tạ Chí Đại Trường. *Thần, Người và đất Việt*. Văn Nghệ, California, USA, 1989.

10. Nguyễn Duy Hinh. *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*. Nxb KHXH, Hà Nội, 1999; Nguyễn Tài Thư (chủ biên). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*. Nxb KHXH, Hà Nội, 1988. Trần Văn Giáp. Bđd, 1932.

11. Trần Văn Giáp. Bđd, 1932. Lê Mạnh Thát cho rằng Phật giáo có mặt ở Việt Nam vào thế kỉ II. Xem: Lê Mạnh Thát. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*. Tập I, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1999.

không thành cao trào như ở Ấn Độ và Trung Hoa<sup>(12)</sup>. Các nhà sư lại là những người có học, những trí thức đương thời chiếm số đông hơn các Nho gia, các Đạo gia. Nền đến thời độc lập, tự chủ, điều phải dẫn đến là Phật giáo được coi như là chỗ dựa của nhà nước. Các vị cao tăng được nhà vua trọng dụng, một số được phong làm quốc sư. Bản thân nhà vua và hoàng tộc cũng là những người sùng đạo, có người đứng đầu một sơn môn. Nhiều chùa được xây dựng. Người dân theo đạo Phật khá đông, nhưng có điều vẫn giữ đạo tổ và vẫn chịu ảnh hưởng của Đạo giáo. Xu thế hoà quyện giữa ba tôn giáo ngoại sinh với tôn giáo bản địa đã có từ buổi ban đầu, khó tách biệt rạch ròi, mặc dầu mỗi đạo vẫn giữ tính độc lập riêng của chúng.

2. Sang đến đầu thiên niên kỉ thứ II, yêu cầu xây dựng một thần quyền quyền với vương quyền theo mô thức của một phương thức sản xuất công nạp, mà theo thuật ngữ của C. Mác là phương thức sản xuất Châu Á<sup>(13)</sup>, một kiểu phương thức phương Đông, đã làm biến đổi diện mạo tôn giáo trên phạm vi toàn quốc. Các triều đại của thời kì "Nam quốc sơn hà Nam đế cư..." phải tạo dựng từ các nguyên liệu có sẵn từ trước một hệ thống tôn giáo từ trung ương đến địa phương theo hai tuyến lãnh thổ và huyết thống, với ba mối quan hệ **nước - làng - gia đình** mang tính dân tộc<sup>(14)</sup>.

Các triều vua cố gắng quy tụ các thần linh bốn phương vào đất Thăng Long (Hà Nội ngày nay), nơi triều đình đóng đô<sup>(15)</sup>. Vua tự xưng là con Trời, thay Trời trị vì thiên hạ, bao gồm cả thế giới thần linh lẫn trần thế. Đừng nên lầm tưởng đó là mô hình chỉ có của đạo Nho, mà hình thức tôn giáo này phổ biến ở hầu hết toàn cầu trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Ví dụ như ở

Nam Đảo, Châu Mỹ tiền Còlong, Nam Ấn, Phi Châu với những biểu hiện khác nhau.

Nho giáo, với Khổng Tử và các học trò, chỉ hệ thống cái đã có, dùng làm triết lí trị dân thích hợp với sự thay đổi thời đại tiên công nghiệp, được các nước chịu ảnh hưởng văn minh Trung Hoa thừa hưởng và biến hoá cho thích hợp.

Điều đáng chú ý là trong các vị thần linh tạo nên hệ thống tôn giáo từ trung ương đến địa phương, do ý thức Độc lập, Tự chủ, mặc dầu triều đình ưu ái đạo Phật (Lý, Trần), sau là đạo Nho, ta thấy đại đa số vẫn là thần Việt của đất Việt, tuy nhiên cũng có pha lẫn các vị của các đạo Phật, Nho, Đạo nhưng không nhiều. Nhận xét này có thể là đúng với thực tiễn các vị được thờ với tư cách là thần thành hoàng (làng) hay thần bảo vệ hoàng thành (nước), trong những lễ thức nhằm củng cố chính quyền từ Trung ương đến địa phương. Ta không quên những đối tượng được thờ tại các chùa với Phật và các vị bồ tát cũng như các quán đên, miếu thờ các vị thần Đạo giáo, Nho giáo, tuy ở đó cũng thấy bóng các vị thần bản địa.

Sau khi dời đô ra Đại La, sau đổi là Thăng Long (1010), việc đầu tiên của Lý Thái Tổ là phải khẳng định bề thế của thủ đô, nơi quy tụ các phương vào triều đình. Ông phong cho thần Long Đỗ làm Quốc đô Thăng Long thành hoàng đại vương, dành núi Nùng làm nơi quy tụ các thần linh cả nước về đó, lập đền Đồng Cổ ở phường Hồ

12. Nguyễn Duy Hinh. Sđd, 1999.

13. C. Mác. *Những hình thái có trước nền sản xuất tư bản chủ nghĩa*. Trong C. Mác, Ph. Angghen, V.I. Lênin. *Bản về các xã hội tiền tư bản*. Nxb KHXH, Hà Nội, 1975. tr. 74.

14. Đặng Nghiêm Vạn. *Hệ thống tôn giáo dân tộc. Đạo thờ tổ tiên* (dẫn chứng địa giới Hà Nội), 1998 (sắp xuất bản).

15. *Quốc triều hình luật* (bộ luật thời Lê). Nxb Pháp lí, Hà Nội, 1991. Thời Lý, Trần cũng có các bộ luật nay không tìm thấy.

Khẩu gần đây (nay thuộc quận Tây Hồ), hàng năm tổ chức hội thể vào dịp đầu xuân để các quần thần trung thành với thiên tử.

Ngoài việc lập điện Kính Thiên thờ trời đất, từ thời Lý, hoàng thành đã được bảo vệ bởi bốn vị được phong làm tứ trấn đại vương án ngữ bốn cửa thủ đô.

3. Lễ tế Trời Đất triều vua nào cũng có. Theo như Lê Quý Đôn<sup>(16)</sup> hay Phan Huy Chú<sup>(17)</sup> cho thấy, có việc lập đàn Phong Vân cầu mưa, lập đàn Xã Tắc theo mô hình Trung Quốc, lập Vu Đàn ở phía nam kinh thành, cầu cho quanh năm được mùa. Đúng ngày lập xuân nhân lễ nghinh xuân, đi tuần thú, tế thần Tiên Nông, nhà vua tự cày ruộng tịch điền. Trong năm, ông thường đi tuần những địa phương gần xa xem dân cày cấy. Đàn Xã Tắc nay còn vết tích ở Xã Đàn, còn đàn Phong Vân nay không còn vết tích. Nhưng tế Trời Đất có tính nghi thức của triều đình là lập đàn tế giao hay thường gọi là Nam Giao. Tế giao này, theo Lê Quý Đôn, đời Lý, Trần khó có thể khảo cứu được. Phan Huy Chú cũng chỉ ghi đến thời Lý Anh Tông (1153) mới đắp đàn Viên Khâu. Tác giả cho thời đó là thiếu sót vì đắp đàn Viên Khâu là nhằm vào ngày đông tế, còn đàn Phương Trạch nhằm ngày hạ chí, thì không thấy nói đến. Thật ra tế giao là hợp cả hai, tác giả hồ nghi có thể theo lệ xưa tách riêng, mà sử chép sót không thể khảo cứu được.

Đến đời Hồ và sang đời Lê và Nguyễn, tế giao hay còn gọi là Nam Giao thành nền nếp và được L. Cadière miêu thuật kỹ lưỡng ở Huế<sup>(18)</sup>.

Trời ở đây được quan niệm khá thống nhất giữa giới bình dân và giới cai trị. *Văn dài loại ngữ* dẫn: "Sách *Luân hành* nói: Bầu trời có mặt trời, mặt trăng, các vì sao, gọi là *văn*; Trái đất có núi sông, gò, hang gọi là *lí*. Tôi cho rằng: Đại lí ứng với thiên văn ở

trên, nên các đế vương đóng đô, tất chọn nơi dưới núi cao, trên bờ sông lớn, như sao Tử vi là để tính, chỗ ngôi rất cao, bên tả có sông Ngân Hà, cho nên kinh đô Lạc Dương và Trường Yên đều đóng ở nơi danh thắng, phía đất cao dưới núi Long Thủ, Mang Sơn, trên các sông Bà Thủy, Sản Thủy, Giản Hà và Triều Hà<sup>(19)</sup>. Như vậy, là các vua xưa ở Trung Quốc cũng quan niệm Trời gắn liền với Đất. Trời cao vòi vọi, đất sâu thăm thẳm. Vì thế, có thể nói khái niệm Trời, Đất xuất hiện từ trước khi các tôn giáo lớn ở phương Đông ra đời và đã được lí giải để nâng cao thành triết lí.

Vua là con Trời phải thiết lập nơi mình trị vì ở một nơi núi cao, cạnh dòng sông sâu. Vật đổi, sao dời, theo Lê Quý Đôn, thời chỉ biết được đến thời Lê sơ cùng với đàn Xã Tắc, đàn Phong Vân, đàn Nam Giao được dựng ở phía nam thành phố. Đến thời Hồng Đức, đàn gồm có "điện Chiêu Sự ba gian hai chái, có hai dãy nhà ở phía đông và phía tây, mỗi dãy đều có một gian hai chái đông vũ và tây vũ hai dãy, mỗi dãy bảy gian, cửa điện Chiêu Sự ba gian, điện Canh Y và Trai Cung đều một gian hai chái, phòng nhà bếp ba gian; thứ nữa cửa giữa ba gian, cửa tả và cửa hữu một gian, lại thứ nữa cửa bên ngoài đều ba gian, bốn xung quanh đắp tường"<sup>(20)</sup>. Về sau, đàn được Trịnh Tạc (1663) cho sửa điện Chiêu Sự, nhà chính

16. Lê Quý Đôn. *Kiến văn tiểu lục*. Phần Thể lệ thượng mục thể lệ và lễ nghi. Bản do Phạm Trọng Điềm phiên dịch và chú thích. Nxb Sử học Hà Nội, 1962, tr. 67.

17. Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập II. Lễ nghi chí, do tổ phiên dịch Viện Sử học phiên dịch và chú thích. Nxb Sử học, Hà Nội 1961. Người hiệu đính: Đào Duy Anh.

18. L. Cadière. *Croyances et pratiques religieuses des Vietnamiens*. EFEO Paris 1992 Tome I, tr. 85 - 128.

19. Lê Quý Đôn. *Văn dài loại ngữ*. Trần Văn Giáp biên dịch, khảo thích. Trần Văn Khang làm sách dẫn. Cao Xuân Huy hiệu đính và giới thiệu. Nxb Văn hoá, Viện Dân tộc học 1962, Tập I. *Khu vũ*, tr. 114.

20. Lê Quý Đôn. *Kiến văn tiểu lục*. Sđd, tr. 68.

điện có bốn góc cột kê đá tảng, trong ngoài sân đều xây đá, cột rường hoành đều sơn son thếp vàng. Nhưng đến triều Nguyễn, đàn tàn lụi dần; thực dân Pháp san phá hẳn để xây phố phường<sup>(21)</sup>.

Đối với người dân, trong tâm thức tôn giáo, Trời vẫn là bầu trời xanh ngắt trên cao, ở nơi đó có cái gì cao xa vời vợi, có Ông Trời. Trời là một đấng không hình dáng, không tiểu sử, người đỡ đầu cho ông vua - thần, cho cộng đồng quốc gia. Ông vua - thần là hoá thân của con trời, đầu thai xuống trị vì thiên hạ. Đó là kế thừa khái niệm về một vị thần bộ lạc mạnh nhất, chinh phục các vị thần bộ lạc yếu kém để trở thành vị thần của đất nước, vị thần hộ mệnh của người đứng đầu dân tộc và cộng đồng. Đấng lí ra với sự ra đời của một quốc gia, một điện thần cũng được ra đời; đứng đầu là vị thần cùng với các quan chức như một thiên đình. Ở Việt Nam, vị thần đó là ông Trời. Điện thần của người Việt rất khó tạo dựng lại, mặc dầu có những cố gắng của các nhà khoa học<sup>(22)</sup>, do bị ngắt quãng bởi một ngàn năm Bắc thuộc. Ông Trời có nơi đã được thay thế bởi Ngọc Hoàng Thượng Đế với những người giúp việc, nhặt ra ở điện thần Trung Hoa hay Việt Nam. Cái điện thần xộc xệch này may mắn được Đạo giáo thêm thắt tùy tiện theo từng nơi. Nhưng ông Trời vẫn thân thương. Trong tâm thức tôn giáo người Việt bình dân, ông Trời vẫn chỉ là người có ông cậu duy nhất là con cóc, nhân vật bề ngoài xấu xí nhưng dường như sai khiến được cả ông Trời, vì thường báo trước những trận mưa rất cần thiết cho những cư dân trồng lúa nước. Đặc biệt, ở người Xơ Đăng, con cóc là người vợ xấu xí, nhưng tốt bụng của thần Sét (ở đây không có ý niệm Trời và thần Sét là to nhất). Theo A. Doré, con cóc (hay con ếch) là vợ lẽ của Ngọc Hoàng, một nữ thần có

thể gọi mưa để mùa màng tươi tốt. Bà cho các con xuống trần để bắt các sâu bọ và khi "kêu thấu trời" là nhằm báo cho mẹ mưa xuống hạ giới. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên người Choang (Quảng Tây) hiện nay còn dùng trống đồng trong lễ thức thờ thần Ya Kue, thần cóc. Nèn, trên mặt trống đồng có hình con cóc<sup>(23)</sup>.

4. Nhà vua - con của Trời tuy sinh ra là người thường như trăm ngàn người khác, muốn trị nước (cả người lẫn thần linh) thường phải qua một cuộc sinh nở thần kì. Trong sử sách, những lời ghi chép liên quan đến các vị vua sáng lập nên nghiệp lớn đều được xem như là dòng dõi vừa của người, vừa của thần linh: sao sa vào bụng mẹ, chân úm vào vết đá lạ thường, hình dáng và tư chất khác thường, hoặc qua giấc mộng sinh chúa. Ở người Việt chưa thấy hiện tượng vị con Trời này được tạo nên bởi một chất liệu khác, không giống đám dân từ ruột quả bầu sinh ra như ở người Thái<sup>(24)</sup>.

Vị vua - thần này đã tạo dựng nên sự nhất thể hoá bản thân với cộng đồng, một truyền thống tư duy của người Việt từ xưa cho đến ngày nay. Vì vậy, dưới con mắt người dân, sự hưng thịnh, suy vong của vị vua - thần liên quan đến sự thịnh suy của đất nước. Cho nên, Mã Viện đi qua chiếc cột đồng - biểu tượng quyền uy của nhà vua đại diện cho đất nước mới thốt lên một lời nguyên "Cột đồng đổ, dân Giao Chỉ bị

21. Khi xây dựng sinh từ, Hoàng Cao Khải cho lấy hai thanh bạc còn lại về ấp Thái Hà để làm bạc sinh từ của mình.

22. Cao Huy Đình, Đặng Nghiêm Vạn. *Quá trình hệ thống hoá thần thoại Việt Nam và nguồn gốc dân tộc, bản chất của nó*. Khảo cổ học 1971.

23. A. Doré. *Des Ya au Zhuang du Guang Si, une perspective ethno-historique. Histoire et Anthropologie* N<sup>o</sup> 10, tháng 1 - 6 năm 1995, tr. 30, 31.

24. Đặng Nghiêm Vạn. *The flood myth and the origin of ethnic groups in Southeast Asia-Journal of American*. Vol. N<sub>o</sub>. 421. Summer 1993, tr. 304 - 337.

diệt". Nên ta thấy khi xưa, chắc ở nước ta cũng có tục dựng cột đồng như các dân tộc khác quanh vùng một khi nhà vua lên ngôi<sup>(25)</sup>. Trống đồng cũng là một biểu tượng quyền uy của nhà vua, được ví như tiếng sấm của Trời gọi mưa. Vì vậy, vua - thần được quyền bất khả xâm phạm, được theo một cuộc sống khác người thường.

Lại thêm, để "thần thánh hoá" những người đứng đầu đất nước, có những câu chuyện gắn liền thủ đô và cả nước với nhà vua, có thể kể như Lý Thái Tổ với việc rồng bay; Lê Lợi với việc rùa vàng đòi kiếm và xưa hơn nữa thì tính huyền thoại đã bao quanh những nhân vật vua Hùng, Thục Phán, Hai Bà Trưng, Lý Nam Đế, Triệu Quang Phục, Mai Thúc Loan, Bố Cái Đại Vương.

Như vậy là đạo thờ vua Hùng, thờ Trời Đất khẳng định *vừa chiều dài theo dòng lịch sử, vừa chiều rộng qua không gian lãnh thổ của dân tộc*; tạo nên trong dân Việt ý thức về đất nước, về cội nguồn, để có trách nhiệm bảo vệ bờ cõi tổ quốc, bảo vệ nòi giống con Rồng, cháu Lạc.

Để củng cố cho đạo thờ Trời Đất, thờ vua Hùng, bản thân nhà vua tự nhận là người thay mặt cho Trời - vua - thần. Nhà vua mà theo C. Mác "một phần là ông vua chuyên chế phương Đông có thực, một phần là một nhân vật tượng tượng của bộ lạc tức Thượng Đế"<sup>(26)</sup>, người có quyền sở hữu đất đai duy nhất nhân danh cộng đồng, đã cai quản không chỉ người sống, mà cả người chết. Nhờ kết hợp chặt chẽ thần quyền và vương quyền, vị con trời có trách nhiệm phong giáng các vị thần tùy theo công tội với nước, với dân; công tội được đánh giá theo tâm thức tôn giáo. Mỗi làng thường có một vị phúc thần, thậm chí hai, ba, đặc biệt có khi năm bảy vị do triều đình phong hoặc dân suy tôn. Việc phong thành hoàng được tiến

hành từng bước tùy theo phạm vi những khu vực mà triều đình nắm vững được và tùy theo sự phát triển của đất nước.

Đạo Tổ tiên theo huyết thống làm vững vàng thêm hệ thống các thần linh theo tuyến lãnh thổ vì chính các vị sáng danh có công với dòng họ, đồng thời là có công với làng, với nước. Do vậy, đó là một nguồn cung cấp các vị thần cho đất nước. *Gia đình - Làng bản - Đất nước* là một mối liên kết thống nhất và là trục chính của tâm thức tôn giáo Việt Nam.

5. Điểm lại các vị thần được thờ, ta thấy đầy đủ các vị của đạo Phật, Đạo giáo lẫn đạo Nho, các vị do nhân dân tôn phong: lập làng, tổ sư các nghề... Lúc đầu nơi thờ các thần chưa hẳn phải là chiếc đình như ngày nay; mà ngày nay, trong đình cũng có nơi vẫn thờ nhân vật các đạo khác. Ban đầu có thể là một cái miếu, một cái đền, một cái nhà, hoặc một khu đất thiêng, một cơ sở không có tên gọi như còn thấy ở miền núi. Dưới thời Lý, Trần, đạo Phật được suy tôn, các thần linh mang dáng dấp của các yếu tố ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ; sau tới đời Lê, Nguyễn tuy chưa mất hẳn, nhưng đã thấy sự nổi trội của Nho học. Tuy nhiên, cần thấy từ Hán Nho của Đổng Trọng Thư cho đến Tống Nho của Chu Hy, sự hoà đồng Nho, Đạo, Phật đã thấy rõ và lại chỉ bổ sung mà không lấn át nổi yếu tố tôn giáo bản địa thể hiện rõ rệt trong các nghi thức của các dịp tế chính của cộng đồng. Đạo Phật cũng như Đạo giáo vẫn phát triển riêng biệt lên xuống tùy theo thời kì lịch sử và vẫn tồn tại cho đến ngày nay, trong lúc Nho giáo cường thịnh một thời, nay lại chỉ còn là

25. Đặng Nghiêm Vạn. *The lác mương* (territorial pillar), a Power Fetish of Thái Seigneurs. Trong *Ethnological and religious problems in Việt Nam*. Social Sciences Publishing house. Hà Nội, 1998, tr. 349 - 373.

26. C. Mác. *Sđd*, tr. 74.

một ý thức hệ và mất vai trò trong đời sống tôn giáo với sự sụp đổ của chính quyền phong kiến.

Tiến dần vào phương nam, yếu tố tôn giáo Chàm ảnh hưởng vào hệ thống tôn giáo dân tộc. Ta có thể thấy những vết tích ngay trên đất bắc ở những vùng các tù binh Chàm được đem ra tập trung ở một đèo từ Cổ Nhuế lên đến Dị Nậu, với việc nhà nước Lý - Trần thờ thần Thiên Y, Bà Banh... Rõ rệt nhất là ở phía nam sau cuộc Nam - Bắc phân tranh, khi Nguyễn Hoàng và con cháu có chủ mưu muốn tạo nên sự khác biệt nam - bắc. Việc mở rộng và củng cố quan hệ với miền ngược, nơi các dân tộc thiểu số cư trú, cũng như việc lấn biển thu hút thêm nhiều thần linh của cư dân sở tại (thần biển, thần cá voi, thần rừng, thần hổ, thần của các cư dân thiểu số: Chàm, Khơme, Hoa...).

Do đầy bộ mặt tôn giáo ba miền Trung, Nam, Bắc, nội địa và ven biển, đồng bằng và miền núi có điểm khác nhau. Sự khác biệt đó là do công cuộc mở mang bờ cõi nơi những miền đất xưa chịu ảnh hưởng đậm của văn minh Ấn Độ, cũng như ảnh hưởng triều đình ngày càng mạnh ở các vùng biên cương, nơi các dân tộc thiểu số cư trú.

Lấy tình hình Nam Bộ làm thí dụ. Nếu ở miền Bắc, miền Trung, đạo Phật Bắc tông được duy trì, thì ở Nam Bộ xuất hiện phái Phật giáo truyền thống cho phép các nhà sư được lấy vợ, phái Khất sĩ do ảnh hưởng của Phật giáo Nam tông của người Khơme. Đồng bằng Cửu Long được khai phá, cư dân khắp nơi đổ về theo các thủ lĩnh chiêu dân khẩn hoang. Triều đình chưa với đến. Luật lệ lỏng lẻo. Uy tín cá nhân được đề cao. Nắm phần hồn, các ông đạo mọc lên kéo theo trăm, ngàn đệ tử, lúc hợp, lúc tan. Nổi lên có phái *Bửu Sơn Kỳ Hương*. Thực dân Pháp chiếm đóng Nam Bộ. Một phong trào

cứu thế lại tái hiện, ngoài tính huyền bí như xưa, đậm thêm màu sắc yêu nước, đậm đặc ở Nam Bộ, lác đác ở các nơi khác. Vì vậy G. Coulet mới gọi lầm là hội kín vì chống Pháp<sup>(27)</sup>. Đạo Hoà Hảo ra đời (1939) là kết quả tất yếu của phong trào trên. Cạnh đó, xuất hiện đạo Cao Đài (1926) mang tính tổng hợp các yếu tố tôn giáo Đông Tây. Ở vùng Tây Nguyên xuất hiện phong trào "lấy nước thần" của Xăm Bẳm (1935-1945) cũng mang tư tưởng chống Pháp.

6. Văn minh phương Tây có mặt ở Việt Nam vào thế kỉ XVII, kéo theo sự có mặt của các nhà truyền giáo đạo Kitô. Ban đầu, việc truyền giáo dường như ít khó khăn, do tính khoan dung rộng mở, do xu thế hoà nhập mà không đối đầu của các tôn giáo truyền thống. Chả thế mà tuy Nhà nước ưu ái một tôn giáo, *xuyên suốt lịch sử Việt Nam đều có chiến tranh tôn giáo*. Điều đó là một đặc trưng mang tính độc đáo của Việt Nam, ngược hẳn với lịch sử cổ trung đại Châu Âu và nhiều nước thuộc các châu lục khác, nhất là ở những nơi hiện diện các tôn giáo độc thần hoặc pha chút độc thần<sup>(28)</sup>.

Sự xung đột giữa triều đình và đạo Kitô ban đầu nếu có, phần phản ánh sự xung đột giữa hai nền văn minh khác nhau, phần do bản chất "cứng rắn" không khoan nhượng về đức tin, giáo lí, nghi thức của Công giáo. Sự xung đột lên đến cao độ khi nhuộm màu

27. G. Coulet. *Les sociétés secrètes en terre d'Annam*. Sài Gòn, 1926.

28. Có thể đọc các sách về lịch sử thế giới cổ trung đại. Hiện tượng dùng ngọn cờ tôn giáo gây ra những vụ thánh chiến đẫm máu hiện nay còn làm nhức nhối nhiều người. Lời xin lỗi về những hành động quá khứ của Giáo hội Vatican gần đây là một sự thú nhận, nhưng là một khích lệ. Về tình hình xung đột tôn giáo hiện nay xin đọc Đặng Nghiêm Vạn. *Những dạng xung đột tôn giáo trong quá trình toàn cầu hoá trong: Kỉ yếu hội thảo khoa học: Nhìn lại thế kỉ XX và thử nhìn sang thế kỉ XXI*. Hà Nội, 1999 (lưu hành nội bộ).

sắc chính trị, một bên là người bảo vệ dân tộc, một bên là kẻ xâm lược, kéo dài từ giữa thế kỉ XIX, phát triển nhanh trong thời Pháp thuộc<sup>(29)</sup> và rộ lên qua hai cuộc kháng chiến gần đây. Tác động đó dẫn đến sự ưu ái của kẻ xâm lược với đạo Công giáo, gây ra phản ứng ngược lại với sự chấn hưng đạo Phật (1920 - 30), sự ra đời các đạo Cao Đài (1926), Hoà Hảo (1939). Đạo Phật được tổ chức lại và hiện đại hoá nhằm cạnh tranh với các tôn giáo khác và một thời kì chống lại âm mưu biến Công giáo thành quốc giáo dưới chế độ Mỹ - Diệm. Sự xung đột còn rơi rớt lại cho đến hiện nay. Đạo Tin Lành do Hội Liên hiệp Truyền bá Phúc Âm Mỹ (C.M.A) truyền vào Việt Nam từ năm 1911. Ban đầu, đạo phát triển chậm, được mở rộng trong thời gian chiến tranh chống Mỹ. Một số giáo phái Tin Lành khác, với số lượng không nhiều xuất hiện vào giữa thế kỉ XX, phát triển mạnh dưới thời Mỹ - Nguy và hiện nay đang hoạt động trái phép ở vùng miền núi.

Sau ngày thống nhất đất nước, tình hình đời sống đổi khác. Các tôn giáo được độc lập về tổ chức, chỉ ít không còn thấy bóng các chức sắc nước ngoài. Với tinh thần đoàn kết giữa những người dân thuộc các tôn giáo khác nhau và không thuộc tôn giáo (theo quan niệm bản thân) tất cả đều mong

muốn góp sức xây dựng đất nước sao cho giàu mạnh, công bằng, văn minh, hàn gắn lại những chia rẽ còn tồn tại đây đó do hậu quả của chính sách chia mà trị của kẻ thù, gây ra bởi một số rất ít thủ lĩnh tôn giáo còn có chỗ tựa của các thế lực bên ngoài. Một chiếc áo bị xé làm ba mảnh nay cần có thời gian để khâu lại. Một chiếc áo đã vấy máu do kẻ thù gây nên nay cần được rửa sạch. Chỉ có một tấm lòng thực sự vì dân, vì nước, hướng thiện, trừ ác, chỉ có một lòng khoan dung rộng mở, từ bi, bác ái mới xa lánh được những âm mưu xảo quyệt của kẻ xấu trong cũng như ngoài nước lợi dụng con bài tôn giáo.

Lại thêm, với xu thế thế tục hoá, đi đôi với sự khủng hoảng mang tính toàn cầu, đã bắt đầu nảy sinh ở nước ta những "hiện tượng tôn giáo mới", những âm mưu truyền bá trái phép, thiếu trong sáng của các tôn giáo hoặc dưới nhãn hiệu giả như đạo Vàng Chử, đạo Thần Hùng ở vùng người Hmông, người Dao. Cần cảnh giác với những âm mưu không ít thì nhiều mang tính chính trị, nếu không nói là nằm trong âm mưu diễn biến hoà bình của kẻ thù dân tộc./.

29. Cao Huy Thuần. *Đạo Thiên Chúa và chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam*. Hương Quê. Los Angeles 1988.